

Số: 498 /QĐ-UBND

Phú Thiện, ngày 24 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phân bổ dự toán chi thường xuyên và giao nhiệm vụ
thu năm 2021 cho các đơn vị dự toán.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 30/7/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2021-2023;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 18/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Phú Thiện về việc phê chuẩn dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp huyện năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 352/TTr-TCKH ngày 22/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 cho các đơn vị dự toán cấp huyện (theo các biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi và mức trợ cấp bổ sung năm 2021 được giao. Thủ trưởng các đơn vị dự toán chịu trách nhiệm xây dựng dự toán chi tiết và sử dụng kinh phí đã phân bổ theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

- Kinh phí tiền lương là số tạm giao sẽ xác định lại khi xác định nhu cầu CCTL năm 2021.

- Dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp huyện đã trừ nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 từ 10% tiết kiệm đối với chi thường xuyên (sau khi trừ lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ quy định).

- Bố trí nguồn để thực hiện CCTL năm 2021 như sau:

+ Đối với các cơ quan, đơn vị có nguồn thu từ phí, lệ phí sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2021.

+ Các nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn thừa sau khi cân đối nhu cầu cải cách tiền lương theo mức lương tối thiểu 1.490.000 đồng hoặc nguồn CCTL năm 2020 còn thừa chuyển nguồn sang (nếu có).

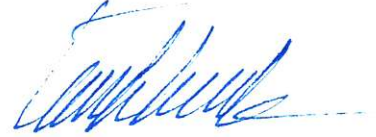
Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND – UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Ayun Pa – Ia Pa – Phú Thiện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Thủ trưởng các ban ngành liên quan và Thủ trưởng đơn vị dự toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT, cvN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Văn Sang

PHỤ LỤC 01

BIỂU TỔNG HỢP GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NĂM 2021

CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN

(Kèm theo Quyết định số: 498 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020
của UBND huyện Phú Thiện)

Đơn vị tính: 1.000đ

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
A	Nguồn thu	24.137.000	
I	Phần thu từ các khoản thuế, phí, lệ phí - Chi cục thuế quản lý thu	13.320.000	
1	Thuế GTGT	3.520.000	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	200.000	
3	Thuế Tài nguyên	180.000	
4	Thu phạt, thu khác của thuế	265.000	
5	Lệ phí môn bài	165.000	
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Thu phí & lệ phí	980.000	
8	Lệ phí trước bạ	7.710.000	
9	Tiền thuê đất	300.000	
10	Thu cấp tiền khai thác khoáng sản		
II	Thu bằng biện pháp tài chính	2.817.000	
1	Thu tiền cho thuê kiot, sạp chợ	50.000	Phòng TCKH
2	Phạt trật tự ATGT	2.267.000	Công an huyện
	- Do lực lượng công an huyện xử lý	2.267.000	
	- Do cơ quan nhà nước cấp huyện xử lý	0	
3	Thu khác ngân sách và phạt các loại	400.000	Phòng TCKH
4	Phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm luật	100.000	Hạt kiểm lâm huyện
III	Thu tiền sử dụng đất	8.000.000	
1	Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất	8.000.000	
B	Phân bổ chi thường xuyên	200.614.565	
I	Sự nghiệp Giáo dục & đào tạo	148.747.915	
I.1	Giáo dục	145.534.056	
I.1.1	Khởi mẫu giáo	21.426.673	
1	Trường Mẫu giáo Hòa Mĩ	2.231.283	
2	Trường Mẫu giáo Hoa Sen	2.134.128	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
3	Trường Mẫu giáo Hoa Mai	1.558.611	
4	Trường Mầm non Hoa Hồng	1.908.576	
5	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	1.678.830	
6	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	1.641.925	
7	Trường Mẫu giáo Tuổi Thơ	2.264.569	
8	Trường Mẫu giáo Vàng Anh	1.153.820	
9	Trường Mẫu giáo Hoa Pơ Lang	1.575.244	
10	Trường Mẫu giáo 1/6	1.564.344	
11	Trường Mẫu giáo Sơn Ca	1.634.267	
12	Trường Mẫu giáo Ia Yeng	2.081.077	
I.1.2	Khối Tiểu học	73.412.469	
1	Trường TH Ngô Mây	3.829.845	
2	Trường TH Chu Văn An	6.064.675	
3	Trường TH Thắng Lợi	2.119.416	
4	Trường TH Lê Lợi	5.599.814	
5	Trường TH Kpă Klong	5.278.929	
6	Trường TH Anh Hùng Núp	6.506.692	
7	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	7.041.967	
8	Trường TH Nay Đer	3.647.426	
9	Trường TH Kim Đồng	3.365.322	
10	Trường TH Nguyễn Tri Phương	4.281.299	
11	Trường TH Phan Chu Trinh	6.218.345	
12	Trường TH Ngô Quyền	5.334.683	
13	Trường TH Nguyễn Trãi	2.871.772	
14	Trường TH Lý Tự Trọng	3.831.385	
15	Trường TH Trần Phú	7.420.900	
I.1.3	Khối THCS	48.694.914	
1	Trường THCS Quang Trung	2.335.602	
2	Trường THCS Trần Quốc Toản	5.812.677	
3	Trường THCS Nguyễn Trung Trực	4.607.467	
4	Trường THCS Nguyễn Du	3.165.223	
5	Trường THCS Hoàng Hoa Thám	4.181.165	
6	Trường THCS Lê Quý Đôn	3.091.926	
7	Trường THCS Trưng Vương	2.719.109	
8	Trường THCS Dân tộc nội trú	9.159.008	



STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
9	Trường THCS Nguyễn Bá Ngọc	3.990.790	
10	Trường THCS Ngô Gia Tự	2.936.152	
11	Trường THCS Trường Chinh	3.517.427	
12	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	3.178.369	
I.1.4	Phòng Giáo dục & Đào tạo	2.000.000	
I.2	Đào tạo	3.213.858	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp & GDTX	1.545.105	
2	Trung Tâm Bồi dưỡng chính trị	1.533.753	
3	Phòng Lao động TBXH	135.000	
II	Sự nghiệp Y tế	607.920	
1	Văn phòng HĐND-UBND huyện (tiền lương y tế thôn bản)	607.920	
III	Các đơn vị sự nghiệp	3.439.224	
1	Trung Tâm Văn hóa, thông tin và thể thao	3.239.390	
2	Sự nghiệp văn thư lưu trữ	199.835	
IV	Chi Quản Lý hành chính	31.644.948	
IV.1	Khối đảng	8.411.458	
1	Văn phòng Huyện uỷ	6.082.483	
2	Ban Tổ chức	628.394	
3	Ban Tuyên giáo	927.194	
4	Ban Dân vận	463.194	
5	UB Kiểm tra Đảng	310.194	
IV.2	Khối Mặt trận, đoàn thể	5.349.248	
1	Mặt trận	1.805.904	
2	Huyện đoàn	1.130.812	
3	Hội Phụ Nữ	1.048.606	
4	Hội Nông Dân	886.977	
5	Hội Cựu chiến binh	476.950	
IV.3	Quản lý nhà nước	17.884.242	
1	Văn Phòng HĐND - UBND	5.815.007	
2	Hội Đồng Nhân dân	1.149.552	
3	Phòng Nội vụ	1.346.755	
4	Phòng Tài chính - KH	1.729.799	
5	Phòng Lao động TBXH	948.337	
6	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	907.694	

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
7	Phòng Văn hóa thông tin	677.764	
8	Phòng Tài nguyên & MT	791.912	
9	Phòng NN& PTNT	979.014	
10	Phòng Tư pháp	547.072	
11	Thanh tra huyện	681.632	
12	Phòng Dân tộc	850.054	
14	Phòng Giáo dục & Đào tạo	1.055.287	
15	Hội chữ thập đỏ	404.363	
V	An ninh quốc phòng	4.433.007	
1	Chi An ninh	704.643	
2	Chi Quốc phòng	3.728.364	
VI	Chi đảm bảo xã hội	8.514.000	
1	Phòng Lao động TBXH	8.514.000	
VII	Sự nghiệp kinh tế	1.778.170	
1	Trung tâm DVNN huyện	1.778.170	
VIII	Chi khác	1.449.380	
1	Tòa án nhân dân huyện	40.000	
2	Chi cục Thi hành án dân sự huyện	40.000	
3	Ngân hàng chính sách xã hội huyện	1.000.000	
4	Chi cục Thống kê khu vực	15.000	
5	Viện kiểm sát nhân dân	25.000	
6	Liên đoàn lao động huyện	50.000	
7	Bưu điện huyện Phú Thiện	279.380	

Ghi chú: Chi tiết các khoản bổ sung theo phụ lục đính kèm.

TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÂN BỐ BỔ SUNG CHO CÁC ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN VÀO DỰ TOÁN 2021
(Kèm theo Quyết định số 44.8./QĐ-UBND ngày .../.../2020 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000đ

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
	TỔNG CỘNG	22.903.241	10.626.710	33.529.951	
I	Sự nghiệp giáo dục & Đào tạo	8.557.740	535.000	9.092.740	
I.1	Sự nghiệp giáo dục	7.021.440	535.000	7.556.440	
I.1	KP hỗ trợ các trường bán trú mô hình của huyện	482.240	0	482.240	
I.1	Khối tiêu học	350.720	0	350.720	
-	Trường TH Nguyễn Tri Phương	43.840	0	43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường TH Phan Chu Trinh	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường TH Lê Lợi	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường TH Nguyễn Trãi	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường TH Lý Tự Trọng	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường TH Kpă Klong	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường TH Nguyễn Văn Trỗi	43.840		43.840	



STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường TH Trần Phú	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
1.2	Khối THCS	131.520	0	131.520	
-	Trường THCS Nguyễn Tất Thành	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường THCS Ngô Gia Tự	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
-	Trường THCS Lê Quý Đôn	43.840		43.840	
	KP Kiểm định nguồn nước, Hỗ trợ tiền điện, ...	7.000		7.000	
	KP lương nhân viên cấp dưỡng	36.840		36.840	
2	Phòng Giáo dục & ĐT huyện	2.000.000	0	2.000.000	
-	KP hoạt động chuyên môn	2.000.000		2.000.000	
	- Khối Mẫu giáo	270.000		270.000	
	- Khối Tiểu học	480.000		480.000	Theo phụ lục 03 đính kèm
	- Khối THCS	1.250.000		1.250.000	
3	Trường THCS Dân tộc nội trú	4.539.200	535.000	5.074.200	
-	KP thực hiện chính sách về học sinh dân tộc nội trú theo Thông tư 109/2009/TTLT/BTC-BGD&ĐT	4.539.200	535.000	5.074.200	
1.2	Sự nghiệp đào tạo	1.536.300	0	1.536.300	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp & GDTX	450.000	0	450.000	
1.1	Kinh phí mở lớp	450.000		450.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
2	Trung tâm BDCT	951.300	0	951.300	
2.1	Kinh phí mở lớp đào tạo	424.300		424.300	Trừ kp điều chuyển về xã 225,7tr
2.2	Đường vào nhà xe, làm nhà xe; sân đậu ô tô, bê tông đường vào cơ quan,sân bê tông và các hạng mục phụ khác	350.000		350.000	
2.3	50 cái Pano (80x1m2), khẩu hiệu trong 3 hội trường	50.000		50.000	
2.4	Lắp đặt hệ thống nước sạch, cải tạo đường điện	50.000		50.000	
2.5	KP Cho cán bộ, giảng viên kiêm chức nghiên cứu thực tế ngoài huyện	77.000		77.000	
3	Phòng Lao động TB&XH huyện	135.000	0	135.000	
3.1	KP hỗ trợ kinh phí học nghề cho đối tượng 2,3 năm 2021	80.000		80.000	
3.2	KP hỗ trợ kinh phí học nghề lao động nông thôn (để ăn hỗ trợ 4 làng đồn giai đoạn 2)	55.000		55.000	
II	Các đơn vị sự nghiệp và QLNN	12.040.893	677.710	12.718.603	
II.1	Sự nghiệp y tế	0	0	0	
II.2	Các đơn vị sự nghiệp	1.311.650	180.000	1.491.650	
1	Trung Tâm Văn hóa, thông tin và thể thao	1.276.650	0	1.276.650	
1.1	KP chi trả nhuận bút, thù lao và làm chương trình phát thanh tiếng Jrai	280.000		280.000	Định mức ổn định giai đoạn 2017-2020
1.2	KP chi trả tiền điện máy thu và phát sóng, Internet băng thông rộng				
1.3	KP sửa chữa máy móc thiết bị chuyên dùng của Đài huyện và các trạm truyền thanh các xã	36.000		36.000	
1.4	KP hỗ trợ Đài tỉnh về thực hiện trang PT-TH trên sóng Đài tỉnh	50.000		50.000	
1.5	Phòng sự phim	70.000		70.000	
1.6	Mua bộ máy chiếu	15.000		15.000	
1.7	Ghi ta điện	5.200		5.200	
1.8	Amplify truyền thanh				
1.9	KP tuyên truyền cổ động trực quan				
1.10	KP tuyên truyền cơ sở, xe loa	115.000		115.000	
1.11	KP Treo cờ các đợt trong năm				
1.12	KP mua, may mới băng rôn, cờ, giấy đề can, tuyên truyền....				
1.13	Pa nô - áp phích tuyên truyền				
1.14	KP Sự nghiệp TDTT tổ chức cấp huyện và tham dự cấp tỉnh năm 2021	150.450		150.450	Định mức ổn định giai đoạn 2017-2020
1.15	KP tổ chức Hội thi Văn hóa thể thao và các dân tộc thiểu số cấp huyện và tham dự cấp tỉnh năm 2021	100.000		100.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.16	Tổ chức Đại hội TDTT huyện Phú Thiện lần thứ IV năm 2021	170.000		170.000	
1.17	Tham dự Hội diễn Văn nghệ Quân chúng tỉnh Gia Lai lần thứ III năm 2021	50.000		50.000	
1.18	Tham dự liên hoan truyền lưu đồng tỉnh Gia Lai lần thứ III năm 2021	30.000		30.000	
1.19	KP tuyên truyền và văn nghệ lễ giao quân năm 2021	15.000		15.000	
1.20	KP Lễ Cầu mưa Yang Potaó Apui năm 2021	150.000		150.000	
1.21	Tham dự Lễ hội Văn hóa Công chiêng và trò chơi dân gian tại tỉnh Gia Lai	40.000		40.000	
2	Sự nghiệp văn thư lưu trữ	20.000	-	20.000	
2.1	Kinh phí Tập huấn công tác văn thư lưu trữ và đi kiểm tra công tác VTLT các xã	20.000		20.000	
3	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	15.000	180.000	195.000	
3.1	Máy tính xách tay phục vụ công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật (1 cái)	15.000		15.000	
3.2	KP công thêm vắc xin lở mồm long móng		180.000	180.000	
II.3	Các đơn vị QLNN, Mặt trận đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội	10.729.243	497.710	11.226.953	
II.3.1	Khối Đảng	3.140.200	0	3.140.200	
1	Ban tổ chức	470.200	0	470.200	
1.1	Chăm sóc sức khỏe cán bộ do ban TV huyện quản lý	245.000		245.000	
1.2	Khám sức khỏe định kỳ do BTV tỉnh quản lý	115.200		115.200	
1.3	Kinh phí hoạt động bảo vệ chính trị nội bộ	55.000		55.000	
1.4	Kinh phí phục vụ công tác xây dựng đảng	55.000		55.000	
2	Ban dân vận	305.000	0	305.000	
2.1	Ban chỉ đạo thực hiện QCDC	31.000		31.000	
2.2	Kinh phí công tác phụ trách làng	100.000		100.000	
2.3	Kinh phí triển khai chi thị 49 của BTV Huyện ủy	26.000		26.000	
2.4	Kinh phí phục vụ phát động quần chúng	22.000		22.000	
2.5	Kinh phí tuyên truyền nân từ từ tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống	16.000		16.000	
2.6	Kinh phí xây dựng mô hình, điển hình phong trào "dân vận khéo"	41.000		41.000	
2.7	Kinh phí thực hiện chi thị 12-CT/TU về XD nông thôn mới	21.000		21.000	
2.8	Kinh phí vận động BBDTTS từ bỏ "ma lại" "thuốc thư"	21.000		21.000	
2.9	Công tác tôn giáo	27.000		27.000	
3	Ban Tuyên giáo	769.000	0	769.000	
3.1	Kinh phí mua tạp chí tài liệu truyền truyền	27.000		27.000	
3.2	Trên khai Chi thị 05-CT/TW về "Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM" và tổ chức đoàn tham quan, học hỏi kinh nghiệm tại Nghệ An	122.000		122.000	
3.3	Kinh phí học tập quán triệt nghị quyết, hội nghị báo cáo viên và hội nghị công tác viên dự luận xã hội	72.000		72.000	
3.4	Kinh phí triển khai Kế hoạch "Tuyên truyền 10 phút"	21.000		21.000	
3.5	Kinh phí hoạt động ban chỉ đạo 35	70.000		70.000	Phụ cấp tính vào lương
3.6	Kinh phí mở lớp bồi dưỡng lực lượng nông cốt tuyên truyền cấp cơ sở	67.000		67.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
3.7	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ huyện	328.000		328.000	
3.8	Kinh phí tổ chức hội thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi năm 2021	62.000		62.000	
4	Ủy ban kiểm tra đảng	152.000	0	152.000	
4.1	Kinh phí kiểm tra, giám sát, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo	64.000		64.000	
4.2	Kinh phí triển khai đề án 02-ĐA/HU	38.000		38.000	
4.3	Kinh phí hội nghị sơ, tổng kết công tác kiểm tra giám sát	10.000		10.000	
4.4	Kinh phí mua tập chỉ kiểm tra phục vụ cấp ủy, cấp cơ sở, các văn bản tài liệu của đảng về công tác KTGS	35.000		35.000	
4.5	Kinh phí tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai văn bản của đảng về công tác KTGS	5.000		5.000	
5	Văn phòng Huyện ủy	1.444.000	0	1.444.000	
5.1	Kinh phí Đặc thù	500.000		500.000	
5.2	Kinh phí tuyên truyền	80.000		80.000	
5.3	Kinh phí dự phòng cấp ủy 5% (theo Thông tư liên tịch số 216/2004/TTLT-BTCQI-BTC)	200.000		200.000	
5.4	Kinh phí theo quy định số 856-QĐ/TU của Tỉnh ủy	359.000		359.000	
5.5	Kinh phí tiếp dân, công tác nội chính	25.000		25.000	
5.6	Kinh phí Dân quân tự vệ	5.000		5.000	
5.7	Kinh phí đại tu xe ô tô con 81B 0767	95.000		95.000	
5.8	Kinh phí bổ sung mua 11 máy tính xách tay cho Ban thường vụ khóa mới	165.000		165.000	
5.9	Kinh phí sửa chữa, bảo trì thiết bị PCCC, bảo hiểm PCCC (theo Nghị định số 23 của CP năm 2018)	15.000		15.000	
II.3.2	Khối đoàn thể	1.563.796	0	1.563.796	
1	UB Mặt trận TQVN huyện	483.080	0	483.080	
1.1	KP tổ chức thăm hỏi, chúc mừng, gặp mặt các Chức sắc tôn giáo	30.000		30.000	
1.2	KP đi दौर chuồng trại thực hiện CVD Lâm thay दौर nếp nghi cách làm trong DBDĐT, in số tay tuyên truyền cho người DBDTS	35.000		35.000	
1.3	Kinh phí hoạt động BVD quỹ "Vì người nghèo"	20.000		20.000	
1.4	KP tổ chức Hội nghị biểu dương người uy tín trong DB DTS cấp huyện	30.000		30.000	
1.5	Tổ chức điểm ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc nhân kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận	30.000		30.000	
1.6	Kinh phí mua phần mềm kế toán	12.000		12.000	
1.7	Phần mềm kế toán Quỹ vì người nghèo	7.200		7.200	
1.8	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện DQTV cho khối MT - DT	5.000		5.000	
1.9	Kinh phí tiếp xúc cư tri, hiệp thương bầu cử HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	20.000		20.000	
1.10	Kinh phí xây dựng cốt cán phong trào trong tôn giáo	100.000		100.000	
1.11	Kinh phí mua máy vi tính	15.000		15.000	
1.12	Thăm khu di tích lịch sử cách mạng về nguồn tại Kroong - Kbang	15.000		15.000	
1.13	KP giao ban cụm thi đua	10.000		10.000	
1.14	Kinh phí Hội thao ĐDK cấp tỉnh lần thứ VII	60.000		60.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.15	Thăm quan học tập mô hình CVD làm thay đổi nếp nghĩ cách làm trong DBDT TS	15.000		15.000	
1.16	Kinh phí giám sát phân biện xã hội	40.000		40.000	
1.17	Phụ cấp Ủy viên Mặt trận theo QĐ 33/2014/QĐ-TTg ngày 28/5/2014 của Thủ Tướng Chính phủ	38.880		38.880	
2	Hội người cao tuổi	100.000		100.000	Cấp vào Mặt trận
2.1	KP hoạt động Hội người cao tuổi	90.000		90.000	Lương: 67.944
2.2	Đại hội Người cao tuổi các cấp và cùng cố kiện toàn Ban đại diện HNCT cấp huyện và tổng kết nhiệm kỳ 2021-2025	10.000		10.000	
3	Huyện đoàn	299.000	0	299.000	
3.1	KP thực hiện Chương trình "Tình nguyện mùa đông" năm 2021	15.000		15.000	
3.2	Kinh phí tổ chức Lễ ra quân tháng thanh niên năm 2021	10.000		10.000	
3.3	KP Tham gia Trại huấn luyện cán bộ Đoàn Trường học năm học 2020-2021 tại tỉnh	20.000		20.000	
3.4	KP Tham gia Trại hè thiếu nhi tại tỉnh	10.000		10.000	
3.5	Liên hoan "Các Đội tuyên truyền măng non" năm 2021	20.000		20.000	
3.6	Hoạt động hè năm 2021	80.000		80.000	
3.7	Tổ chức Ngày hội Thiếu nhi vui khỏe, Tiến bước lên đoàn năm 2021	10.000		10.000	
3.8	Tham gia Hội thi Chúng em kể chuyện Bác Hồ tại Tỉnh	10.000		10.000	
3.9	Tổ chức Hoạt động về địa chỉ đỏ, khu di tích cách mạng Krong, huyện Kbang	10.000		10.000	
3.10	Tham gia Hội thi "Tôi yêu Tổ quốc tôi" tại tỉnh	9.000		9.000	
3.11	Tham gia Liên hoan công nghệ tại Tỉnh	15.000		15.000	
3.12	Tham gia Trại huấn luyện viên cấp I Trung ương	10.000		10.000	
3.13	Xây dựng Công trình thanh niên cấp huyện	20.000		20.000	
3.14	Hội trại Kỳ niệm 90 năm ngày thành lập Đoàn	60.000		60.000	
4	Hội Cựu TNXP	135.216	0	135.216	Cấp vào Huyện đoàn
4.1	KP hoạt động Hội cựu TNXP	103.216		103.216	Lương 81.216
4.2	Hội thi "Cựu TNXP làm theo lời Bác" năm 2021	10.000		10.000	
4.3	Hội thi "Cán bộ hội viên TNXP gương mẫu tham gia xây dựng Nông Thôn mới" năm 2021	10.000		10.000	
4.4	Hội thi "Tiếng hát hát cựu TNXP" năm 2021	12.000		12.000	
5	Hội liên hiệp phụ nữ	305.000	0	305.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
5.1	Tổ chức kỷ niệm 1981 năm ngày khởi nghĩa Hai Bà Trưng và 111 năm ngày quốc tế phụ nữ 8/3 gần với biểu dương tập thể, cả nhân thực hiện tốt Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" và rèn luyện 4 phẩm chất tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang"	15.000		15.000	
5.2	Tổ chức đánh giá biểu dương phong trào "Hội viên phong trào thay đổi nếp nghĩ thực hiện tiết kiệm trong chi tiêu vươn lên thoát nghèo bền vững" gia đoạn 2018-2021	10.000		10.000	
5.3	Đề án 939 tổ chức Ngày hội Phụ nữ khởi nghiệp và Biểu dương các tập thể, cá nhân phụ nữ khởi nghiệp thành công và tham gia Hội chợ kết nối sản phẩm	25.000		25.000	
5.4	Tổ chức Hội nghị biểu dương thực hiện đề án 938 "Tuyên truyền, vận động phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ trong tình hình mới"	20.000		20.000	
5.5	Kinh phí Đại hội đại biểu phụ nữ huyện Phú Thiện lần thứ IV nhiệm kỳ 2021-2025 và tham dự Đại hội đại biểu phụ nữ cấp tỉnh	150.000		150.000	
5.6	Tổ chức Hội nghị triển khai học tập Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ huyện Phú Thiện nhiệm kỳ 2021 – 2025	10.000		10.000	
5.7	Tổ chức Hội thi tiềm hiệu Nghị quyết Đại hội phụ nữ các cấp, nhiệm kỳ 2016-2021.	10.000		10.000	
5.8	Đề án 1893: Bồi dưỡng cán bộ công chức Hội LHPN các cấp	25.000		25.000	
5.9	Tổ chức gặp mặt "Gia đình nhiều thế hệ" nhân kỷ niệm 20 năm Ngày Gia Đình Việt Nam (28/6/2021) và lựa chọn gia đình tiêu biểu tham gia cấp tỉnh.	20.000		20.000	
5.10	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cán bộ, nữ ứng cử viên, nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp	10.000		10.000	
5.11	Kinh phí mua sắm bàn làm việc (04cái)	10.000		10.000	
6	Hội nông dân	164.500	0	164.500	
6.1	Tổ chức Hội thi "Nhà nông đua tài" lần thứ II, năm 2021 - chào mừng bầu cử Đại biểu Quốc Hội và Đại biểu HĐND các cấp, theo chỉ đạo của tỉnh Hội tại thông báo số 42-TB/HNDT, ngày 13/7/2020 (tổ chức cấp huyện và tham gia cấp tỉnh)	40.000		40.000	
6.2	Tổ chức Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo cấp ủy, chính quyền với hội viên nông dân huyện nhà, theo chỉ đạo của tỉnh Hội tại thông báo số 42-TB/HNDT, ngày 13/7/2020	5.000		5.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
6.3	Tham gia phiên chợ nông sản an toàn lần thứ II năm 2021 do Hội nông dân tỉnh tổ chức, theo chỉ đạo của tỉnh Hội tại thông báo số 42-TB/HNDT, ngày 13/7/2020	20.000		20.000	
6.4	Tổ chức Hội thao bóng đá mini Nam lần thứ III năm 2021 - chào mừng 91 năm thành lập Hội nông dân Việt Nam (14/10/1930 – 14/10/2021)	20.000		20.000	
6.5	Kinh phí tổ chức Hội nghị tập huấn của 05 CLB nông dân với pháp luật của 05 xã Ia Ke, Ia peng, Chư Athai, Ia Sol và TT. Phú Thiện. (thành lập năm 2013)	12.500		12.500	
6.6	Tổ chức 03 Hội nghị tập huấn Chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ và thăm quan các mô hình cho các Chi, Tổ hội nghề nghiệp của các xã, thị trấn.	45.000		45.000	
6.7	Kinh phí mua phần mềm kế toán	12.000		12.000	
6.8	Kinh phí mua tủ hồ sơ, máy in, quạt	10.000		10.000	
7	Hội Cựu chiến binh	77.000	0	77.000	
7.1	Tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm phong trào Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo lần thứ V (2016 - 2021) (tổ chức cấp huyện và tham gia cấp tỉnh)	25.000		25.000	
7.2	Tọa đàm kỷ niệm 32 năm ngày thành lập CCB Việt Nam (01/03/1989 - 01/03/2021)	5.000		5.000	
7.3	Tổ chức Liên hoan "Tiếng hát Cựu chiến binh"	15.000		15.000	
7.4	Giải Bông chuyền chào mừng kỷ niệm 32 năm ngày thành lập Hội CCB Việt Nam	20.000		20.000	
7.5	Kinh phí mua phần mềm kế toán	12.000		12.000	
II.3.3	Khởi hành chính	6.025.247	497.710	6.522.957	
1	Văn phòng UBND - UBND	2.736.000	0	2.736.000	
1.1	Kinh phí đặc thù (Lãnh đạo UBND 500 triệu + HĐND 120 triệu)	620.000		620.000	
1.2	Kinh phí ISO	50.000		50.000	
1.3	Chi nhuận bút trên trang thư điện tử của huyện	50.000		50.000	
1.4	Kinh phí tuyên truyền	100.000		100.000	
1.5	KP tập huấn Dân quân tự vệ	20.000		20.000	
1.6	KP bảo trì, bảo dưỡng, tập huấn PCCC	20.000		20.000	
1.7	KP gặp mặt Doanh nghiệp	50.000		50.000	
1.8	KP tổ chức các hội nghị, hội thảo, sơ, tổng kết.	100.000		100.000	
1.9	Kp bảo trì, bảo dưỡng hệ thống CNTT	96.000		96.000	
1.10	Kinh phí bảo trì, nâng cấp Wbsite	48.000		48.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.11	Kinh phí phục vụ Ban tiếp công dân và Nhà một cửa điện tử	200.000		200.000	
1.12	Kinh phí Hội trường chung	224.000		224.000	
1.13	Kinh phí màn hình Led Hội trường chung	390.000		390.000	
1.14	KP tổng kết HDND nhiệm kỳ 2016-2021	50.000		50.000	
1.15	Chênh lệch Nghị quyết 89/2018/NQ-HDND so với Nghị quyết 79	550.000		550.000	
1.16	KP phục vụ khám tuyến nghĩa vụ quân sự và khám tuyến sinh quân sự năm 2021	148.000		148.000	
1.17	KP đoàn kiểm tra VSATTP và Y được tư nhân, y tế trường học	20.000		20.000	
2	Phòng Nội vụ	717.669	0	717.669	
2.1	Kinh phí công tác tôn giáo	50.000		50.000	
2.2	Kinh phí phục vụ công tác CCHC	20.000		20.000	
2.3	Kinh phí hoạt động cụm trường cụm thi đua số 3	5.000		5.000	
2.4	Kinh phí tổ chức các cuộc họp Hội đồng nâng lương và Hội đồng kỷ luật	15.000		15.000	
2.5	KP triển khai Nghị quyết 18,19-NQ/TW	20.000		20.000	
2.6	KP mua 02 bộ máy tính để bàn	26.000		26.000	
2.7	KP mua 01 máy in 2 mặt	7.000		7.000	
2.8	Quý khen thường tập trung	574.669		574.669	
3	Phòng Tài chính - KH	705.000	0	705.000	
3.1	Kinh phí hoạt động của các đoàn kiểm tra LN	20.000		20.000	
3.2	Kinh phí ứng dụng tabmis (bao gồm tiền điện và thuê bao đường truyền Internet)	100.000		100.000	
3.3	KP hoạt động Hội đồng định giá trong tổ tung hình sự	30.000		30.000	
3.4	KP hỗ trợ hoạt động cấp giấy phép kinh doanh	20.000		20.000	
3.5	KP khảo sát giá đất và xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất	25.000		25.000	
3.6	KP mua 2 bộ máy tính	30.000		30.000	
3.7	KP xây dựng dự toán thu, chi NSNN thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2026	30.000		30.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
3.8	KP thay thế các thiết bị phục vụ kết nối đến hạ tầng truyền thông - ứng dụng Tabmis (Theo văn bản số 2789/CV-STC ngày 06/11/2020 của Sở Tài chính)	450.000		450.000	
4	Phòng Lao động TBXH	333.216	18.000	351.216	
4.1	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Hội nạn nhân chất độc da cam	78.216		78.216	Tiền lương: 57.216
4.2	Hỗ trợ kinh phí hoạt động Ban liên lạc cựu tù chính trị	15.000		15.000	
4.3	Kinh phí hoạt động Ban VSTBPN.Trong đó: - Chi tổ chức tọa đàm nhân dịp Ngày QT PN 8/3, Ngày Phụ nữ VN 20/10: 10tr; - Chi triển khai Tháng hành động về Bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới: Chi kiểm tra công tác thực triển khai công tác BDG VSTBPN năm 2020: 15tr	20.000		20.000	
4.4	Hỗ trợ kinh phí rà soát hộ nghèo, tập huấn nghèo. Trong đó: - Chi hỗ trợ công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn huyện: 5tr; - Chi tập huấn cán bộ tham gia công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn huyện: Chi hỗ trợ báo cáo viên, thuế hội trường, tiền ăn, tiền xăng cho cán bộ tham gia tập huấn: 15tr; - Chi thuế hội trường, tài liệu, maket trang trí, nước uống tổ chức tập huấn: 5tr	25.000		25.000	
4.5	Hỗ trợ kinh phí điều tra, tập huấn cung cầu lao động (Trong đó: Tổ chức tập huấn công tác thu thập thông tin, CCLĐ: - Chi hỗ trợ báo cáo viên, thuế hội trường, tiền ăn, tiền xăng cho cán bộ tham gia tập huấn: 5tr; - Chi thuế hội trường, tài liệu, maket trang trí, nước uống tổ chức tập huấn: 5tr	10.000		10.000	
4.6	Chi hỗ trợ tổ chức các hoạt động ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 và tháng hành động vì trẻ em. Trong đó: - Chi tổ chức Lễ phát động tháng hành động vì trẻ em, ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6 thăm, tặng quà cho học sinh nghèo vượt khó học giỏi: 10tr; - Chi tổ chức thăm, tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (03 đoàn đi thăm, tặng quà cho 40 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt tại 05/10 xã, thị trấn và 09 em tại làng SOS tp Pleiku, tỉnh Gia Lai : 10tr	20.000		20.000	
4.7	Chi tổ chức Tết trung thu. Trong đó: -Chi tổ chức hoạt động thi văn nghệ, vẽ tranh và làm lồng đèn: 12tr; - Chi tổ chức Lễ hội điểm " Vui hội trăng rằm" của huyện và hỗ trợ các địa phương khác tổ chức Lễ hội: 13 tr	15.000		15.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
4.8	KP thực hiện công tác An toàn vệ sinh lao động- Phòng chống cháy nổ. Trong đó: - Tổ chức tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động: Chi hỗ trợ xăng xe, nước uống, băng rôn, sách tuyên truyền cho đoàn điều hành tuyên truyền: 10 tr	10.000		10.000	
4.9	KP thực hiện Chương trình phòng chống ma túy năm 2021; phòng chống mại dâm giai đoạn 2016-2020 . Trong đó: - Tổ chức tập huấn công tác phòng, chống mại dâm: Chi hỗ trợ bảo cáo viên, thuê hội trường, tiền ăn, tiền xăng cho cán bộ tham gia tập huấn: 8tr; Chi thuê hội trường, tài liệu, maket trang trí, nước uống tổ chức tập huấn: 2tr; Phòng chống mại dâm: 10tr	20.000		20.000	
4.10	Phụ cấp hàng tháng công tác viên giám nghèo theo NQ 83/2018/NQ-HĐND tỉnh		18.000	18.000	
4.11	KP thăm tặng quà tết Nguyên Đán 2021 (không kể đối tượng BTXH) và Kinh phí mua hoa, nhang đèn để Nghĩã trang Liệt sỹ 3 ngày Tết Nguyên đán 2021	120.000		120.000	
5	Phòng Kinh tế - Hạ tầng	92.000	220.000	312.000	
5.1	KP Đoàn kiểm tra chất lượng công trình	30.000		30.000	
5.2	KP Đoàn kiểm tra liên ngành quản lý, kiểm soát thị trường, bình ổn giá	20.000		20.000	
5.3	KP hoạt động Ban ATGT huyện		220.000	220.000	(Giao phòng KTHT phối hợp Mặt trận Tổ quốc huyện tổ chức hội thi Mặt trận với ATGT; Phối hợp Liên đoàn lao động tổ chức Hội thi tuyên truyền viên giỏi về ATGT tại huyện và tham gia cấp tỉnh và các hoạt động khác trong lĩnh vực ATGT)
5.4	KP mua sắm: 01 bộ bàn ghế họp, 01 bộ bàn ghế lãnh đạo	12.000		12.000	
5.5	KP hỗ trợ Hội đồng thẩm định quy hoạch xây dựng	30.000		30.000	
6	Phòng Văn hóa thông tin	247.000	0	247.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
6.1	KP hoạt động BCD phong trào TD ĐKXD DSVH	20.000		20.000	
6.2	KP mua khung và in giấy chứng nhận KDC văn hóa và công sở ăn hóa	10.000		10.000	
6.3	KP hoạt động BCD chính quyền điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin	20.000		20.000	
6.4	KP hoạt động BCD phát triển du lịch	20.000		20.000	
6.5	KP hoạt động đội kiểm tra liên ngành	10.000		10.000	
6.6	KP hoạt động khu di tích Plei Oi	70.000		70.000	
6.7	KP sưu tầm hiện vật văn hóa để phục vụ công tác bảo tồn	97.000		97.000	
7	Phòng Dân tộc	159.192	259.710	418.902	
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ chính sách đối với người có uy tín trong vùng DB DTTS năm 2021	20.000	80.000	100.000	
7.2	Kinh phí thực hiện Đề án “giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết vùng đồng bào DTTS	40.000		40.000	
7.3	Hoàn trả tạm ứng kinh phí Đại hội Đại biểu các DTTS năm 2019	84.192	179.710	263.902	
7.4	Kinh phí mua 01 máy vi tính	15.000		15.000	
8	Phòng Tài nguyên & MT	82.000	0	82.000	
8.1	KP giải quyết khiếu nại, khiếu kiện	20.000		20.000	
8.2	KP Đầu giá giao đất có thu tiền sử dụng đất	15.000		15.000	
8.3	KP mua máy chiếu	40.000		40.000	
8.4	KP mua bộ bàn ghế tiếp khách	7.000		7.000	
9	Phòng NN& PTNT	15.000	0	15.000	
9.1	Bộ bàn ghế tiếp khách phòng lãnh đạo, bàn ghế làm việc, tủ hồ sơ	15.000		15.000	
10	Phòng Tư pháp	180.500		180.500	
10.1	KP phổ biến giáo dục pháp luật	40.000		40.000	
10.2	KP mua biểu mẫu hộ tịch	38.500		38.500	
10.3	KP hoạt động Hội luật gia	30.000		30.000	
10.4	KP kiểm tra rà soát văn bản QPPL	5.000		5.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
10.5	KP triển khai thực hiện ngày pháp luật	5.000		5.000	
10.6	KP triển khai đăng ký nuôi con nuôi	5.000		5.000	
10.7	KP tập huấn cho các tổ hòa giải cơ sở	20.000		20.000	
10.8	KP theo dõi thi hành pháp luật	10.000		10.000	
10.9	KP chuẩn tiếp cận pháp luật	10.000		10.000	
10.10	KP mua sách pháp luật	5.000		5.000	
10.12	KP mua 01 bộ bàn ghế tiếp khách	7.000		7.000	
10.13	KP tập huấn liên thông các thủ tục hành chính	5.000		5.000	
11	Thanh tra huyện	125.000	0	125.000	
11.1	Tiền hỗ trợ tiếp dân, GQ KN, TC và chi hỗ trợ cho các đoàn thanh tra đột xuất	40.000		40.000	
11.2	KP tập huấn tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng chống tham nhũng	50.000		50.000	
11.3	KP bổ sung thêm mua trang phục ngành theo quy định của Thông tư 02/2015/TT-TTCP	20.000		20.000	
11.4	KP mua máy vi tính	15.000		15.000	
13	Phòng Giáo dục & Đào tạo	197.216	0	197.216	
13.1	Sửa chữa nhà làm việc (sửa mái nhà chống thấm, mái tôn, cửa sổ hội trường, nhà vệ sinh....)	100.000		100.000	
13.2	KP hoạt động Hội Khuyến học	72.216		72.216	Tiền lương: 57,216 trđ
13.3	KP hoạt động Hội Cựu giáo chức	25.000		25.000	
14	Hội chữ thập đỏ	435.454	-	435.454	
14.1	Kinh phí hoạt động	269.454		269.454	Quỹ tiền lương: 194,454trđ
14.2	KP Tổ chức hiến máu nhân đạo (02 đợt) và tổ chức lễ tôn vinh khen thưởng những người hiến máu nhân đạo	70.000		70.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
14.3	KP hỗ trợ tặng quà	20.000		20.000	
14.4	KP ghi nhận tám lòng vàng	6.000		6.000	
14.5	Tổ chức Đại hội Hội CTD NK 2021-2026	40.000	0	40.000	
14.6	Kinh phí tập huấn năm 2021	15.000		15.000	
14.6	Kinh phí mua 01 máy vi tính	15.000		15.000	
III An ninh, quốc phòng		855.228	1.131.000	1.986.228	
I Công an		439.143	0	439.143	
1.1	Chi in ấn bổ sung biểu mẫu xử phạt vi phạm hành chính năm 2021	30.000		30.000	
1.2	Chi tổ chức tập huấn nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho đội phòng cháy cơ sở thuộc UBND các xã thị trấn trên địa bàn huyện (dự kiến tổng số lượt người tham gia tập huấn 150 người)	25.000		25.000	
1.3	Chi bảo dưỡng các phương tiện PCCC đã được trang cấp năm 2018 phục vụ công tác PCCC trên địa bàn huyện (bảo dưỡng thường kỳ hàng năm)	20.000		20.000	
1.4	Kinh phí phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc	20.000		20.000	
1.5	Kinh phí chuyển hóa địa bàn trọng điểm phức tạp về ANTT	10.000		10.000	
1.6	Kinh phí duy trì củng cố mô hình “Công an huyện Phú Thiện tuyên truyền phổ biến pháp luật nhằm đảm bảo an ninh trật tự”	10.000		10.000	
1.7	Kinh phí tổ chức tập huấn lực lượng bảo vệ tại các cơ quan, trường học, doanh nghiệp trên địa bàn theo KH 927/KH-UBND ngày 24/4/2020	30.000		30.000	
1.8	Kinh phí thực hiện thông tư 23 của Bộ Công an	20.000		20.000	
1.9	Kinh phí tập huấn lực lượng cốt cán ở cơ sở	20.000		20.000	
1.10	Kinh phí tổ chức ngày Hội toàn dân bảo vệ ANTO	20.000		20.000	
1.11	Kinh phí ban chỉ đạo bảo vệ bí mật nhà nước	20.000		20.000	
1.12	Kinh phí tiếp xúc tranh thủ người có uy tín năm 2021	50.000		50.000	
1.13	Kinh phí thăm tra lý lịch, tuyển chọn công dân tham gia nghĩa vụ 2021	20.000		20.000	
1.14	Kinh phí tập huấn công tác thi hành án hình sự, triển khai Luật THAHS năm 2019 và tái hòa nhập cộng đồng	20.000		20.000	

STT	Tên đơn vị / nội dung chi	KP bổ sung		Tổng cộng	Ghi chú
		Nguồn ngân sách huyện	Nguồn tỉnh bổ sung		
1.15	Kinh phí tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù, người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, lang thang cơ nhỡ trong năm 2021	15.000		15.000	
1.16	Kinh phí thực hiện công tác tái hòa nhập cộng đồng (xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến, sơ kết, tổng kết công tác tái hòa nhập cộng đồng)	15.000		15.000	
1.17	Kinh phí sơ kết, tổng kết công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng	10.000		10.000	
1.18	Kinh phí xây dựng kho tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính lĩnh vực giao thông đường bộ	84.143		84.143	
2	Huyện đội	416.085	1.131.000	1.547.085	
2.1	KP dự lễ tuyên thệ tại các đơn vị nhận quân	67.000		67.000	
2.2	KP Ban chỉ đạo 24 theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg	5.000		5.000	
2.3	KP hoạt động Quân báo nhân dân	10.000		10.000	
2.4	KP tiểu đội dân quân thường trực		331.000	331.000	
2.5	KP trung đội dân quân súng máy phòng không 12,7mm	84.800		84.800	
2.6	KP bổ sung huấn luyện 02 khẩu đội dân quân cối 60	65.232		65.232	
2.7	KP Hội đồng giáo dục quốc phòng huyện	10.000		10.000	
2.8	Tổ chức luyện tập và Lễ ra quân huấn luyện LL VT huyện	89.383		89.383	
2.9	KP đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2021	84.670		84.670	
2.10	KP hỗ trợ Diễn tập khu vực phòng thủ		800.000	800.000	
IV	KP đảm bảo xã hội	0	8.283.000	8.283.000	
1	Phòng Lao động TB&XH huyện: bổ sung kinh phí đảm bảo xã hội		8.283.000	8.283.000	
V	Các đơn vị khác - chi khác ngân sách huyện	1.449.380	0	1.449.380	
1	Tòa án nhân dân huyện	40.000		40.000	
1.1	KP hoạt động đoàn hội thẩm nhân dân (hỗ trợ thêm từ ngân sách huyện) và kinh phí tổng kết hết nhiệm kỳ 2016-2021 của Đoàn Hội thẩm nhân dân	20.000		20.000	